

Số: 1177/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 15 tháng 4 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm nhu yếu phẩm, các vật dụng, suất ăn phục vụ tổ chức cách ly tập trung phục vụ phòng, chống dịch Covid-19 tại ký túc xá sinh viên cơ sở 1 Trường Đại học Đồng Nai do Sở Công thương làm chủ đầu tư

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 29/3/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính quy định quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Báo cáo số 1777/BC-STC ngày 13/4/2020 và Văn bản số 1786/STC-QLG&CS ngày 14/4/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm nhu yếu phẩm, các vật dụng, suất ăn phục vụ tổ chức cách ly tập trung phục vụ phòng, chống dịch Covid-19 tại ký túc xá sinh viên cơ sở 1 Trường Đại học Đồng Nai do Sở Công thương làm chủ đầu tư, cụ thể như sau:

1. Tên gói thầu: Mua sắm nhu yếu phẩm, các vật dụng, suất ăn phục vụ tổ chức cách ly tập trung phục vụ phòng, chống dịch Covid-19 tại ký túc xá sinh viên cơ sở 1 Trường Đại học Đồng Nai (danh mục chi tiết đính kèm). Trong đó:

- Gói số 1: Trang bị hàng hóa, vật dụng, dụng cụ vệ sinh;
- Gói thầu số 2: Nhu yếu phẩm cá nhân;
- Gói thầu số 3: Cung cấp suất ăn, nước uống.



2. Tổng mức đầu tư khoảng: **1.795.036.000 đồng**, (Bằng chữ: Một tỷ, bảy trăm chín mươi lăm triệu, không trăm ba mươi sáu nghìn đồng), đã bao gồm VAT. Trong đó:

+ Gói thầu số 1: Trang bị hàng hóa, vật dụng, dụng cụ vệ sinh, với giá là 350.529.000 đồng;

+ Gói thầu số 2: Nhu yếu phẩm cá nhân, với giá là 223.887.000 đồng;

+ Gói thầu số 3: Cung cấp suất ăn, nước uống, với giá là 1.220.620.000 đồng.

- Giá dùng làm căn cứ đánh giá hồ sơ dự thầu cung cấp gói thầu trên căn cứ giá thiết bị, dịch vụ của đơn vị có chức năng thẩm định giá, nhưng không được lớn hơn giá gói thầu trong quyết định này.

- Các chi phí hợp lý phát sinh trong quá trình mua sắm tài sản, dịch vụ, căn cứ các quy định hiện hành, đơn vị thực hiện quyết toán theo thực tế và đảm bảo chế độ hoá đơn chứng từ đầy đủ.

3. Nguồn kinh phí cho các gói thầu: Từ nguồn nhân sách tỉnh.

4. Hình thức lựa chọn nhà thầu cho các gói thầu: Chỉ định thầu rút gọn.

5. Phương thức lựa chọn nhà thầu cho các gói thầu: 01 giai đoạn 01 túi hồ sơ.

6. Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu cho các gói thầu: Từ tháng 3 năm 2020.

7. Loại hợp đồng cho các gói thầu: Hợp đồng trọn gói.

8. Thời gian thực hiện hợp đồng: Tối đa 60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Công thương và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch và Các Phó Chủ tịch;
- Chánh - Phó Văn phòng;
- Lưu: VT, KTNS

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Quốc Hùng

DANH MỤC CHI TIẾT

(Kèm theo Quyết định số 1477/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: đồng

STT	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Số ngày (lượt)	Đơn giá	Thành tiền
I	TRANG BỊ HÀNG HOA, VẬT DỤNG, DỤNG CỤ VỆ SINH					350.529.000
1	Thùng rác sinh hoạt màu xanh loại 20 lít: 01 thùng/phòng	Cái	244	1	161.000	39.284.000
2	Thùng rác sinh hoạt màu vàng loại 20 lít: 01 thùng/phòng dán nhãn: CHẤT THẢI NGUY HẠI CÓ CHỨA SARS-CoV-2	Cái	244	1	161.000	39.284.000
3	Thùng đựng rác màu xanh loại 240 lít: 02 thùng/tầng	Cái	34	1	1.450.000	49.300.000
4	Thùng rác sinh hoạt màu vàng loại 240 lít: 02 thùng/tầng dán nhãn: CHẤT THẢI NGUY HẠI CÓ CHỨA SARS-CoV-2	Cái	34	1	1.450.000	49.300.000
5	Túi nilon đựng rác màu vàng loại 65x80cm	Cuộn	270	1	54.900	14.823.000
6	Túi nilon đựng rác màu xanh loại 65x80cm	Cuộn	270	1	54.900	14.823.000
7	Chổi mềm quét nhà: 01 cái/phòng (236 phòng cách ly + 06 phòng hành chính), 02 cái/tầng (17 tầng)	Cái	276	1	44.000	12.144.000
8	Dụng cụ hút rác (kỵ hút rác): 01 cái/phòng (236 phòng cách ly + 06 phòng hành chính), 02 cái/tầng (17 tầng)	Cái	276	1	29.200	8.059.200
9	Bộ lau sàn nhà: 01 bộ/phòng (236 phòng cách ly + 06 phòng hành chính), 02 bộ/tầng (17 tầng)	Bộ	276	1	229.000	63.204.000
10	Nước lau sàn nhà chai 1,8 lít: 01 chai/phòng cách ly/14 ngày + 03 chai/phòng hành chính/60 ngày + 12 chai/tầng/60 ngày (chỉ theo thực tế)	Chai	458	1	39.500	18.091.000
11	Nước tẩy bồn cầu chai 500ml: 2 chai/phòng cách ly/14 ngày + 6 chai/phòng hành chính/60 ngày (chỉ theo thực tế)	Chai	508	1	14.000	7.112.000
12	Thảm sàn 48x63cm (đầm Clo 0,5% khử trùng)	Cái	8	1	70.000	560.000
13	Khay inox 40x60cm (đựng thảm khử trùng)	Cái	8	1	87.600	700.800
14	Bình điện phun thuốc khử trùng loại 20 lít	Cái	10	1	1.400.000	14.000.000
15	Móc treo quần áo	chục	484	1	41.000	19.844.000
II	CUNG CẤP NHU YẾU PHẨM					223.887.000
1	Thau tắm giặt: 01 cái/người	Cái	900	1	21.000	18.900.000
2	Ca nhựa mức nước/thau rửa mặt: 01 cái/người	Cái	900	1	13.000	11.700.000
3	Ly uống nước nhựa: 01 người/cái	Cái	900	1	8.200	7.380.000
4	Khăn lau mặt: 01 cái/người	Cái	900	1	7.500	6.750.000
5	Bàn chải đánh răng: 01 cái/người	Cái	900	1	9.500	8.550.000

STT	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Số ngày (lượt)	Đơn giá	Thành tiền
6	Kem đánh răng loại 100g: 01 tuýp/người	Cái	900	1	28.000	25.200.000
7	Xà bông giặt loại 900g: 01 bịch/người	Bịch	900	1	29.500	26.550.000
8	Xà bông rửa tay Lifebuoy chai 180ml: 01 chai/người	Chai	900	1	31.000	27.900.000
9	Dép nhựa: 01 người/đôi	Đôi	900	1	42.000	37.800.000
10	Dầu gội loại 10g/gói: 01 gói/người/ngày	Gói	900	14	1.300	16.380.000
11	Giấy vệ sinh: 01 cuộn/người/2 ngày	Cuộn	900	7	4.290	27.027.000
12	Băng vệ sinh (cho nữ): 02 bịch/người x 250 người	Bịch	250	2	19.500	9.750.000
III	CUNG CẤP SUẤT ĂN, NƯỚC UỐNG					1.220.620.000
1	Suất ăn (03 suất/ngày/người) tính theo suất ăn thực tế (cho người bị cách ly khoảng 900 người, nhân viên phục vụ cách ly khoảng 50 người)					1.105.000.000
1.1	Suất ăn giá 60.000 đồng/ngày theo văn bản số 2520/UBND-KTNS ngày 12/3/2020 (01 ngày/03 suất ăn)		3.450 suất ăn * 20.000 đồng/suất ăn			69.000.000
-	Tiền ăn cho người bị cách ly (chi theo thực tế)					
-	Tiền ăn cho nhân viên khu cách ly (chi theo thực tế)					
1.2	Suất ăn giá 80.000 đồng/ngày theo văn bản số 3618/UBND-KTNS ngày 01/4/2020 (01 ngày/03 suất ăn)		38.850 suất ăn/ 01 ngày (03 suất) * 80.000 đồng			1.036.000.000
-	Tiền ăn cho người bị cách ly (chi theo thực tế)					
-	Tiền ăn cho nhân viên khu cách ly (chi theo thực tế)					
2	Nước uống					115.620.000
2.1	Nước uống cho người bị cách ly (chai 1,5 lít): 1chai/người/ngày (chi theo thực tế)	Chai	900	14		
2.2	Nước uống cho nhân viên khu cách ly (chai 1,5 lít): 1chai/người/ngày (chi theo thực tế)	Chai	50	30		
	Tổng cộng (I+II+III) đã bao gồm VAT					1.795.036.000

Ghi chú:

- Các hàng hóa, vật dụng, dụng cụ vệ sinh; cung cấp nhu yếu phẩm; cung cấp suất ăn, nước uống cho người cách ly được thực hiện chỉ định nhà cung cấp tại siêu thị Co.op Mark (CÔNG TY TNHH TM DV SIÊU THỊ CO.OPMART BIÊN HÒA).
- Chênh lệch tăng giữa Danh mục hàng hóa theo Quyết định số 1006/QĐ-UBND ngày 01/4/2020 của UBND tỉnh và Danh mục kế hoạch lựa chọn nhà thầu tăng 259.000.000 đồng là do tăng hỗ trợ tiền ăn theo chế độ đặc thù chống dịch bệnh theo Văn bản số 3618/UBND-KTNS ngày 01/4/2020 của UBND tỉnh.